

SỰ DU NHẬP, PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG CƠ BẢN CỦA KHỔNG GIÁO Ở NHẬT BẢN CHO ĐẾN THỜI KỲ TOKUGAWA

HÀ HUY TUẤN*

Cho đến đầu thế kỷ XIX, Nhật Bản cũng như hầu hết các quốc gia khác trong khu vực Châu Á vẫn trong tình trạng là một nước phong kiến lạc hậu và nền độc lập bị đe dọa bởi các thế lực xâm lược phương Tây. Nhưng với cải cách Minh Trị diễn ra ở Nhật Bản vào năm 1868, đã đưa Nhật Bản trở thành nước tư bản đầu tiên ở Châu Á có nền kinh tế và quân sự phát triển tránh được sự xâm lăng của ngoại quốc. Tuy thất bại nặng nề sau Chiến tranh Thế giới thứ hai nhưng Nhật Bản đã mau chóng gượng dậy và tiến những bước “thần kỳ” trên con đường phát triển kinh tế làm cho cả thế giới phải ngạc nhiên và khâm phục. Có nhiều nguyên nhân lý giải cho sự thành công đó nhưng không thể phủ nhận được sự đóng góp có tính chất quyết định của những yếu tố văn hoá truyền thống, đặc biệt là Khổng giáo. Bằng sự tinh tế của mình, người Nhật đã khéo léo kết hợp Khổng giáo Trung Quốc với những yếu tố văn hóa bản địa, tạo ra một Khổng giáo mang đậm bản sắc riêng của người Nhật.

Để hiểu thêm về quá trình du nhập và phát triển của Khổng giáo ở Nhật Bản, bài viết sẽ tập trung tìm hiểu quá trình du nhập và phát triển của Khổng giáo cho đến thời kỳ Tokugawa và ảnh hưởng của nó đối với Nhật Bản về sau.

Vài nét về Khổng giáo Trung Quốc

Từ thế kỷ thứ VIII tr.CN, Trung Quốc bước vào thời kỳ quá độ chuyển từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang xã hội phong kiến sơ kỳ. Mấy trăm nước chư hầu thành lập đầu đời Chu đã bị tiêu diệt để còn lại mấy chục nước thời Xuân Thu và còn bảy nước thời Chiến quốc. Bảy nước này lại luôn tranh giành để trở thành bá chủ Trung Quốc khiến xã hội hỗn loạn. Đó là thời kỳ mà Khổng Tử (551 tr.CN - 480 tr.CN) - người sáng lập Khổng giáo ra đời. Trước tình trạng “bá đạo” của các nước chư hầu đang lấn át “vương đạo” của nhà Chu, Khổng Tử chủ trương lập lại kỷ cương cũ của nhà Chu.

Xuất phát từ một xã hội đại loạn, Khổng Tử cho rằng, nguyên nhân của nó là do các cá nhân trong xã hội không lo thực hiện bổn phận và vui vẻ với vị trí của mình trong xã hội (hữu đạo) mà chỉ lo tranh giành địa vị và lợi lộc của người (vô đạo). Để giữ xã hội ổn định, thiên hạ “hữu đạo”, ông chủ trương mọi cái đều phải “chính danh”, tức là ai ở địa vị của người ấy. Đây là tư tưởng cơ bản của học thuyết Khổng giáo. Khổng giáo xác định năm mối quan hệ cơ bản trong xã hội (Ngũ luân) là vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em và bạn bè. Mỗi quan hệ lại có những tiêu chuẩn riêng cho từng đối tượng. Khổng Tử chú trọng đến quan hệ vua - tôi và cha - con. Ông chống lại việc ngôi vua duy trì theo quan hệ huyết thống mà vua phải có đức, có tài, phải “lấy lễ mà sai khiến bề tôi, bề tôi phải lấy trung mà thờ vua” và con cái

* Giảng viên, Trường Trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội

phải có hiếu với cha mẹ. Chính danh là mối quan hệ hai chiều: vua có nhân thì tôi mới trung, cha có từ thì con mới hiếu, v.v. mà công cụ để thực hiện mối quan hệ hai chiều này là đạo đức xã hội chứ không phải là luật pháp.

Sau khi Khổng Tử mất, học thuyết của ông được các thế hệ học trò tiếp tục phát triển và trở thành một trường phái tư tưởng lớn, mà nổi bật là Mạnh Tử. Tư tưởng của Mạnh Tử tập trung vào những vấn đề triết lý nhân sinh mà trọng tâm là học thuyết về bản thể nhân tính của con người được thể hiện qua bốn đức tính: Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí. Mạnh Tử cũng như Khổng Tử đều đề cao vai trò của việc học, tuân theo các chuẩn mực. Nhân nghĩa là phương pháp trị nước tốt nhất và ông đòi hỏi các thế lực cầm quyền phải quan tâm đến dân chúng.

Tiếp theo Mạnh Tử còn có rất nhiều người tiếp tục phát triển Khổng giáo như: Đổng Trọng Thư, Chu Hy, ... Nhìn chung, họ vẫn đi theo những tư tưởng cơ bản của Khổng Tử và Mạnh Tử và đạo Khổng đã dần dần được các triều đại phong kiến Trung Quốc thu nhận, trở thành đạo trị nước của chính quyền phong kiến và chuẩn mực đạo đức của xã hội lúc bấy giờ.

Tóm lại, Khổng giáo là một học thuyết chủ trương sự thống nhất, qui về một mối để xã hội hòa bình. Xã hội và con người được dẫn dắt bằng đạo lý và được kiểm soát bằng nghi lễ. Xã hội có tôn ti trật tự, lấy gia đình làm cơ sở, trọng nhân - nghĩa - lễ - trí - tín. Để trở thành hệ tư tưởng của các triều đại phong kiến ở Trung Quốc, Khổng giáo đã có một quá trình phát triển liên tục với những nội dung rất phong phú, phức tạp và có sức sống trường tồn theo thời gian. Các nước Châu Á, trong đó có

Nhật Bản chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc. Chúng ta có thể nhận thấy điều đó qua dấu ấn, diện mạo và vai trò của Khổng giáo trong lịch sử, văn hoá xã hội Nhật Bản cả trước kia và hiện nay.

Khổng giáo ở Nhật Bản trước thời kỳ Tokugawa

Ngay từ đầu thế kỷ thứ IV đến trước năm 710, Nhật Bản đã có sự giao thương buôn bán với Triều Tiên và Trung Quốc. Căn cứ vào những tài liệu lịch sử, ít nhất là từ nửa sau thế kỷ thứ IV đã có rất nhiều người Trung Quốc theo các thuyền buôn đến Nhật Bản. Cùng với họ, những kỹ thuật sản xuất, văn hoá, nghệ thuật và tôn giáo... của Trung Quốc theo chân các thương gia cũng được truyền bá vào đây. Người Nhật gọi họ là Kikajin nghĩa là "Người đem văn hóa đến cho ta".

Những Kikajin này chủ yếu là do Nhật Bản mời họ sang để dạy chữ Hán, tư tưởng Khổng giáo và Phật giáo. Chữ Hán dần dần được phổ biến trong dân chúng vào thế kỷ thứ VI và đây là điều kiện rất quan trọng để Nhật Bản tiếp thu văn minh lục địa Trung Hoa. Một trong những Kikajin đầu tiên đến Nhật để truyền bá Khổng giáo là ông tổ dòng họ Sử Tây Văn tên là Vương Nhân (gốc gác không rõ là người Trung Quốc hay Triều Tiên). Không phải là người Nhật tiếp thu ngay tư tưởng Khổng giáo mà phải đến thế kỷ thứ VI khi triều đình Nhật Bản cử các đoàn người sang Trung Quốc để giao lưu và học tập. Họ đã tiếp thu tư tưởng Khổng giáo qua thế giới quan của chính họ rồi khi về nước truyền bá lại cho dân chúng. Tuy vậy, khi Khổng giáo được tiếp nhận ở Nhật Bản thì nó đã mang sắc thái Nhật Bản rồi.

Do Khổng giáo có nhiều điểm tương đồng với đạo Shinto và phù hợp với tập tính của người Nhật mà khi được truyền vào Nhật Bản, nó không gặp phải sự chống đối nào như Phật giáo hay Thiên chúa giáo. Tuy vậy, nói lại phổ cập đến dân chúng chậm hơn so với Phật giáo. Trong suốt một thời gian dài nó chỉ bó hẹp trong tầng lớp thượng lưu quý tộc, trong khi Phật giáo đã lan tràn rộng rãi trong dân chúng ngay từ khi mới được du nhập. Có thể giải thích điều này qua hai lý do sau:

Một là, việc truyền bá Khổng giáo vào Nhật Bản gắn liền với chữ Hán. Trong khi đó, tiếng Nhật đa âm còn tiếng Hán đơn âm là khó khăn cho người Nhật khi học chữ Hán. Vì vậy, có rất ít người Nhật biết chữ Hán.

Hai là, ở thời kỳ này chỉ có các nhà quý tộc mới có đủ điều kiện mời thầy về dạy. Do vậy, thời kỳ đầu là độc quyền của các nhà quý tộc và đương nhiên những tư tưởng của Khổng giáo cũng chỉ phối đến cả việc trị quốc an dân.

Đến thế kỷ thứ VII, dòng họ Soga và Thái tử Sotoku đã ra sức củng cố chế độ trung ương tập quyền bằng cách đề xướng Phật giáo và tiếp thu tư tưởng chính trị của Khổng giáo. Ảnh hưởng từ tư tưởng trung quân của Khổng giáo, Thái tử Shotoku cho rằng vua tức là trời, bề tôi là đất, nước không thể có hai vua... Ông cũng muốn thiết lập chế độ quan lại như của Trung Quốc mà trong đó quan lại được bổ nhiệm theo khả năng và xã hội Nhật Bản phải được xây dựng trên cơ sở là sự hài hòa giữa mọi người - dựa theo tư tưởng của Khổng giáo.

Thái tử Shotoku cũng đã đặt quan hệ ngoại giao với nhà Tùy và cử nhiều phái

đoàn sang Trung Quốc để học hỏi về văn hóa, tư tưởng cũng như các thành tựu khác của Trung Quốc.

Năm 645 - năm Taika thứ nhất, quyền lực được trả về cho Thiên hoàng Kotoku và chính quyền mới, cũng chịu ảnh hưởng của Khổng giáo; muốn xây dựng một nhà nước trung ương tập quyền vững mạnh theo hình mẫu Trung Quốc.

Nền chính trị Nhật Bản sau cuộc cải cách Taika (646) đã mang màu sắc đơn thuần Khổng giáo. Giới quý tộc Nhật Bản đã tạo cho mình nề nếp Nho phong, song song với việc thông thạo chữ Hán. Sau cải cách, quan điểm Khổng giáo về chủ quyền của Thiên hoàng, bộ máy quan lại và việc phân phối đất theo chủ nghĩa quân bình là cơ sở của việc tổ chức chính quyền theo kiểu Trung Quốc.

Thời kỳ Nara - từ năm 710 đến năm 794 - là thời kỳ mà văn hóa Trung Quốc ảnh hưởng nhiều tới chính trị và xã hội Nhật Bản. Ngay cả kinh đô Nara cũng mô phỏng theo Trường An - kinh đô của nhà Đường. Tuy vậy, Nhật Bản cũng không hoàn toàn bắt chước Trung Quốc mà biết chọn lọc để phù hợp với mình. Triều đình được chia làm 8 bộ, thay vì 7 bộ như nhà Đường và trong chế độ khoa cử cũng chỉ có con em quan lại mới được đi thi do ở Nhật Bản truyền thống thế tộc và liên hệ gia tộc vẫn chiếm ưu thế.

Trong thời kỳ Nara, Khổng giáo đã được truyền bá rộng rãi, đặc biệt là chế độ chính trị xã hội ảnh hưởng nhiều từ các học thuyết đạo Khổng giáo. Lấy đạo trị dân, lấy đức hóa dân - lý tưởng của Khổng giáo thời cổ đã được phản ánh qua các chế độ luật và lệnh.

Bên cạnh Khổng giáo, Phật giáo thời kỳ này cũng có vai trò tích cực với tư

cách là một tôn giáo. Đặc điểm của lịch sử tôn giáo Nhật Bản là sự hòa hợp giữa Khổng giáo - Phật Giáo - Shinto giáo (tín ngưỡng bản địa). Chúng gặp nhau ở tinh thần vị tha, lòng trung thành là những phẩm chất mà con người mong muốn. Khổng giáo và Phật giáo ở Nhật Bản luôn bổ sung cho nhau góp phần làm phong phú thêm cho lịch sử tư tưởng và ý thức hệ của dân tộc Nhật. Ở những thời kỳ sau, ngay cả khi Phật giáo phát triển lấn át Khổng giáo thì trong hệ thống chính trị Nhật Bản và đạo đức của người Nhật vẫn còn tồn tại những tư tưởng của Khổng giáo.

Bước sang thời kỳ Heian (năm 794), văn hoá Nhật Bản tiếp tục thừa kế văn hoá truyền thống dân tộc và hấp thụ nền văn hoá Trung Quốc. “Văn hóa cung đình” ra đời và phát triển, chú trọng hình thức và thẩm mỹ. Điều này cũng xuất phát từ quan niệm Khổng giáo cho rằng nơi uy nghi cần thể hiện bằng sự tráng lệ để tạo cảm giác tôn kính.

Thời kỳ này một số trường học theo mô hình Trung Quốc đã được xây dựng. Tuy nhiên chỉ có giới quý tộc mới được theo học do tinh thần bình quân chủ nghĩa của đạo Khổng vẫn chưa lấn át được tính cha truyền con nối của giới quý tộc Nhật Bản.

Một đặc điểm đáng chú ý trong thời kỳ này là sự xuất hiện của tầng lớp Samurai (võ sĩ) vốn là những người bảo vệ trang viên. Họ được trang bị đặc biệt không chỉ võ nghệ và lòng dũng cảm mà còn có lòng trung thành, sự tận tâm và trọng danh dự - những phẩm chất chính của đạo đức Khổng giáo.

Do Phật giáo thời kỳ này được coi trọng mà những tư tưởng Khổng giáo không còn được chính quyền trọng dụng

như trước nữa. Tuy nhiên, những tư tưởng này dần dần được Nhật hóa. Đặc biệt là chữ “Trung” - một tư tưởng xuyên suốt và là đặc tính của Sumurai. Chữ “Trung” trong Khổng giáo Trung Quốc bao gồm ý nghĩa trung thành với vua và với chính lương tâm mình. Còn chữ “Trung” trong Khổng giáo ở Nhật Bản còn mang ý nghĩa cao hơn khi nó nhấn mạnh tới sự dâng hiến trọn vẹn cho chủ của mình (không nhất thiết là Thiên hoàng). Đây là điểm thay đổi đáng kể của Khổng giáo Trung Quốc ở Nhật Bản. Tầng lớp Samurai được gọi là “sĩ” cũng đứng đầu “tứ dân” (sĩ - nông - công - thương). Khác với Trung Quốc và Việt Nam, “sĩ” là để chỉ tầng lớp trí thức.

Sau thời kỳ Heian, Nhật Bản lâm vào nội chiến liên miên và do vậy, tầng lớp Samurai ngày càng được coi trọng và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của mình. Phải đến thời kỳ Tokugawa (1603 - 1867) đất nước Nhật Bản mới thật sự có được sự ổn định và hòa bình.

Khổng giáo ở Nhật Bản trong thời kỳ Tokugawa (từ 1603 đến 1867)

Năm 1600 Tokugawa Ieyasu đánh tan quân của liên minh các Daimyo chống đối trong trận Sekigahara. Dòng họ Tokugawa đã dành được quyền lực ở Nhật Bản. Năm 1603, chức tướng quân được Thiên hoàng ban cho Tokugawa Ieyasu và chính phủ quân sự của ông được lập ra ở Edo. Nội chiến chấm dứt và Nhật Bản bước sang thời kỳ hòa bình suốt hơn 250 năm.

Ngay từ khi mới thành lập, chính quyền Tokugawa đã chủ trương thi hành một chính sách ngoại giao cởi mở nhằm khuyến khích ngoại thương, phục hồi nền kinh tế kiệt quệ do nội chiến. Hơn nữa, Nhật Bản còn tiếp thu được nhiều

khoa học kỹ thuật và tư tưởng của Trung Quốc và phương Tây. Nhưng trước ảnh hưởng lớn mạnh của các thương gia phương Tây và đặc biệt là đạo Thiên Chúa, Nhật Bản đã quyết định *đóng cửa*, biến Nhật Bản thành hòn đảo cô lập suốt hơn 200 năm.

Để đối phó với những ảnh hưởng của phương Tây, chính quyền Edo đã hướng chính sách ngoại giao về Trung Quốc láng giềng. Nhật Bản đã tiếp thu được kỹ thuật nông nghiệp, thủ công nghiệp, v.v.. của Trung Quốc. Đi cùng với kinh tế là những yếu tố văn hoá, trong đó có Khổng giáo cũng thâm nhập và ảnh hưởng ngày càng sâu sắc. Khổng giáo Trung Quốc thời kỳ này đã trải qua giai đoạn phục hồi cơ bản, vừa giữ vững được những mục tiêu chính trị - xã hội truyền thống trước đây, vừa phát triển cụ thể hơn về phương pháp luận để tự tu dưỡng bản thân, đề cập đến cá nhân nhiều hơn.

Dưới thời Edo, chính quyền đã phục hồi Khổng giáo dùng làm triết lý chính thống và khung tư tưởng cho một hệ thống xã hội được kiểm soát chặt chẽ.

Khổng giáo Nhật Bản thời kỳ này chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng Chu Hy đời Tống (1130 - 1200). Học thuyết của ông khai thác hơn cả về *nhân tính* được nâng lên tầm nhân sinh quan. Các học giả Nhật Bản thời kỳ Tokugawa cũng đã tìm thấy trong giá trị tư tưởng của Khổng giáo có nhiều điểm tương đồng với Shinto giáo. Có thể coi thời kỳ đóng cửa cũng là thời kỳ biến đổi của Khổng giáo ở Nhật Bản. Khổng giáo được coi là nền học vấn chính trong sách lược trị quốc của chính quyền Edo.

Trong chính sách văn trị để thuần hóa nhân tâm của Tokugawa Ieyasu, Khổng giáo được chọn làm nền tảng và được coi

là quan học- môn giáo dục chính của nhà nước. Ông đề cao học thuyết Khổng - Mạnh về các mối quan hệ: Quân - Thần, Phụ - Tử, đề cao trung hiếu của đạo tôi con cùng các đức tính Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín nhằm loại trừ tình trạng "hạ khắc thượng" để củng cố lâu dài quyền lực của mình. Theo thuyết "Lý nhất nguyên", trời là trung tâm vũ trụ, Thiên tử là tối cao của quốc gia, cha là trên hết trong gia đình nên *tôi phải trung, con phải hiếu*, như vậy mới thuận với thiên mệnh. Cũng theo nghĩa "thuận thiên mệnh", Ieyasu đã qui định trật tự xã hội gồm 4 đẳng cấp: sĩ - nông - công - thương là một trật tự xã hội khép kín, đẳng cấp nào thì mãi mãi ở đẳng cấp đó, không được thay đổi. Cũng như ngôi tướng quân mãi mãi thuộc về dòng họ Tokugawa.

Ieyasu đã mời nhà nho học nổi tiếng Fugawara Seika (1561 - 1619) về Edo giao cho trọng trách chấn hưng Khổng giáo, trọng dụng Hayashi Razan (1583 - 1657) cho đứng đầu Hội đồng nghiên cứu một nền quốc học Nho học sao cho phù hợp với thời đại phong kiến của Mạc Phủ.

Ở lãnh địa, một số Daimyo cũng là những người đỡ đầu hăng hái cho Khổng giáo. Họ tự nghiên cứu Khổng giáo, xây dựng trường học trên lãnh địa của mình. Họ còn thuê những *cố vấn* chuyên về Khổng giáo vừa làm gia sư cho con trai họ, đồng thời lo tổ chức các nghi thức và soạn những tài liệu bằng chữ Hán.

Tư tưởng Khổng giáo cũng ảnh hưởng đến tầng lớp Samurai. Ngoài sự trung thành và tinh thông võ nghệ, chính quyền Tokugawa cũng muốn các Samurai nghiên cứu và đi theo những tư tưởng Khổng giáo. Khổng giáo còn thu hút cả những người không phải là

Samurai, ở các trường học, ngoài học sinh là Samurai còn những học sinh bình dân.

Tuy tầng lớp thương nhân là tầng lớp cuối cùng của xã hội nhưng họ cũng được xã hội tôn trọng khi họ làm ăn đúng đắn, trung thực, coi trọng lễ tìn, sống có nhân nghĩa với mọi người. Đó cũng chính là điều mà họ học được từ Khổng giáo.

Ảnh hưởng của Khổng giáo đối với chính quyền Edo cũng được thể hiện rõ trong các chỉ dụ của chính quyền. Trong chương đầu của văn kiện cơ bản đầu tiên thể hiện trong Bộ luật đối với các quân nhân có ghi “Văn ôn võ luyện phải là công việc hàng ngày cần coi trọng như nhau”. Trong Bộ luật còn có nhiều đoạn nói đến đạo lý của con người, trung hiếu, tiết nghĩa, v.v.. đó chính là tinh thần cơ bản của Khổng giáo.

Tinh thần duy lý của Khổng giáo kết hợp với mục tiêu hiệu quả cộng đồng của văn hoá Nhật Bản đã hướng người dân dần đi vào cải tạo xã hội một cách có ý thức. Nền giáo dục tương đối rộng rãi dẫn đến sự hình thành tầng lớp trí thức khắp Nhật Bản.

Vào khoảng giữa thời kỳ Tokugawa, phong trào nghiên cứu Khổng giáo để làm thầy, hoặc giữ địa vị trong xã hội đã lan tràn khắp đất nước. Những tư tưởng “Tu thân - Tề gia”, “Tam cương - Ngũ thường”, “Tôn quân - Ái quốc”, ... được đem ra giảng dạy cho mọi tầng lớp trong xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ.

Đến thời Tokugawa Toshi Mune (1716 - 1745) Khổng giáo ở Nhật Bản bước sang thời kỳ cực thịnh. Nó đã được phổ cập đến thứ dân theo hoạch định của Tướng quân. Chương trình cải cách Nho học của ông gồm hai giai đoạn, giai

đoạn đầu giảng cho quan lại về tư tưởng và đạo nghĩa, giai đoạn sau phát triển giáo dục trong nhân dân bằng cách xây dựng ở các làng xã những trường giảng về Trung - Hiếu - Tín - Nghĩa và trật tự xã hội theo Khổng giáo. Ông cũng phát động phong trào “Sĩ khí phong” nhằm giáo dục quan lại, võ sĩ phục vụ theo tinh thần Khổng giáo, thiết lập những học vấn sở để mọi người tự do học hành cũng như khuyến khích mở các trường tư thực dạy Khổng học.

Khổng giáo đã trở thành công cụ để giúp chính quyền Tokugawa duy trì chế độ phong kiến của mình. Khổng giáo du nhập vào Nhật Bản đã có sự thay đổi nhằm phục vụ cho chính quyền phong kiến. Ở Trung Quốc, chữ “Hiếu” được đề cao hơn chữ “Trung”, trái lại ở Nhật Bản chữ “Trung” được đề cao một cách tuyệt đối. Quan hệ “Vua - Tôi” được coi trọng hơn quan hệ “Cha - Con”. Ở Nhật Bản, “Trung” còn có nghĩa là phục vụ chủ tới mức quên mình. Nó không những tạo điều kiện để tướng quân và các Daimyo dễ dàng cai trị hơn mà còn làm cho Thiên hoàng trở thành đối tượng cao nhất của “Trung”. Nó giải thích tại sao ở Nhật Bản ít có những thay đổi lớn trong đời sống chính trị, ý thức chấp hành kỷ luật và tôn ti trật tự đã trở thành một yếu tố quan trọng trong đời sống hàng ngày của người Nhật. Khổng giáo cũng đã hình thành ở người Nhật sự gắn bó sâu sắc với tập thể và sống hòa nhập vào tập thể đó.

Những ảnh hưởng tích cực của Khổng giáo ở Nhật Bản thời kỳ Tokugawa

Đó là sự coi trọng các mặt hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. Theo Khổng giáo, dân chúng sẽ nổi loạn nếu

không đảm bảo cho họ một mức sinh hoạt tối thiểu. Các trung tâm thương mại lớn đã được hình thành trong thời kỳ Tokugawa. Giới thương nhân đã thấm nhuần đạo đức Khổng giáo, lấy nó làm tiêu chí cho mọi hoạt động thương mại của mình. Lợi ích chỉ là cơ sở để hành động. Với họ, quan trọng hơn là phải hiển dương cho tổ chức, trung thành với kiểu “kinh doanh gia đình” những mong mọi việc của mình cuối cùng và trên hết là phục vụ cho nhân dân và đất nước.

Hơn nữa, theo tư tưởng Khổng giáo, các yếu tố cơ bản của một xã hội tốt đẹp là nhân từ, chính trực và trí tuệ, phục tùng. Tư tưởng ấy được người Nhật vận dụng một cách triệt để trong việc đề cao giá trị đạo đức và tính nhân bản xuyên suốt các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Các thành viên của công ty coi công ty như một gia đình, toàn tâm toàn ý phục vụ cho công ty.

Một yếu tố khác ảnh hưởng từ Khổng giáo là tôn trọng học vấn. Ngay từ xa xưa, người Nhật đã tích cực vay mượn kiến thức từ Trung Quốc, Triều Tiên và sau này là phương Tây, đầu tiên là bắt chước, sau đó xem xét phê phán và cải tiến để ngày càng có tính độc lập hơn. Đó cũng là một trong những nguyên nhân của sự thành công của Nhật Bản trong thời kỳ hiện đại.

Khổng giáo đã được du nhập vào Nhật Bản từ hơn 1000 năm trước đây và người Nhật coi nó là một bộ phận cấu thành nền văn hóa lâu đời của họ. Nếu như Khổng giáo được du nhập vào Việt Nam và Triều Tiên cùng với áp lực quân sự - chính trị thì Khổng giáo được du nhập vào Nhật Bản lại có ý chí độc lập và tinh thần tự nguyện của giới cầm quyền Nhật Bản. Khổng giáo được lựa chọn và vận dụng một cách sáng tạo để

ngay từ đầu nó đã phục vụ cho lợi ích của dân tộc Nhật Bản. Đạo Khổng đã góp phần tích cực vào việc hình thành và phát triển ý thức công dân, ý thức dân tộc cũng như bản sắc văn hoá truyền thống của Nhật Bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Richard Bowring và Peter Komichi. *Bách khoa thư Nhật Bản*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản xuất bản, Hà Nội, 1995.
2. Ishida Bazu toshi, *Nhật Bản tư tưởng sử*, tr. 2, Nxb Sài Gòn 1997.
3. Phạm Ngọc Liên (Chủ biên). *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1997.
4. Joseph M.Kitagawa, *Nghiên cứu tôn giáo Nhật Bản* (Hoàng Thị Thơ dịch), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
5. *Lịch sử Nhật Bản* (Lê Năng An dịch), Tập 1-2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, 1995.
6. *Lược sử văn hóa Nhật Bản*, Tập 1 - 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.
7. Theo Dore M.Ludwig, *Những con đường tâm linh phương Đông*, Phần II: Các tôn giáo Trung Quốc và Nhật Bản, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2000.
